TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 10/2024/HSST
Ngày: 31/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Lương Sỹ Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Luân
2. Ông Nguyễn Khắc Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ông Cao Anh Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2023/TLST - HS ngày 28/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST - HS, ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đinh Nho T**.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 07 tháng 5 năm 1996. Nơi ĐKNKTT và chỗ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Đinh Tiến H (đã chết). Họ tên mẹ: Lê Thị Q - Sinh năm 1966. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện trú tại: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ tư. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam kể từ ngày 16/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

2. Họ và tên: Phan Duy T1. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1989. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Phan Văn L - Sinh năm 1964. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên mẹ: Lê Thị H1 - Sinh năm 1965. Nghề nghiệp: Nghỉ chế độ hưu trí. Hiện trú tại: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Chỉ duy nhất 01 mình bị cáo. Vợ: Nguyễn Thị L1, con: 02 đứa. Đứa lớn sinh năm 2017, đứa nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 16/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 16/10/2023 đến nay.

3. Họ và tên: Lê Đình C. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 27 tháng 3 năm 1996. Nơi ĐKNKTT và chổ ở: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Lê Đình Q1 (Đã chết). Họ tên mẹ: Cao Thị H2 - Sinh năm 1966. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện trú tại: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con út. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 16/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 16/10/2023 đến nay.

4. Họ và tên: Nguyễn Anh P. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1989. Nơi ĐKNKTT và chổ ở: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Nguyễn Đình C1 - Sinh năm 1962. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H3 - Sinh năm 1963. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 16/10/2023, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 16/10/2023 đến nay.

5. Họ và tên: Phạm Ngọc H4. Giới tính: Nam Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1978. Nơi ĐKNKTT và chổ ở: Thôn G, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không. Trình độ học vấn: 4/12. Họ tên cha: Phạm Ngọc A - Sinh năm 1952. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H5 - Sinh năm 1956. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện trú tại: Thôn G, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị L2 - Sinh năm 1979. Con 2 đứa, đứa lớn sinh năm 1999, đứa nhỏ sinh năm 2001.Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn G, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 30/10/2023 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

+ Ông Bùi Sỹ T2, sinh ngày: 01/01/1963; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Anh Đinh Văn T3, sinh ngày: 26/03/1989; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị L1, sinh ngày: 08/8/1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Ông Lê Đình L3, sinh ngày: 26/6/1972; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị H1, sinh ngày: 01/06/1965; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Bà Cao Thị H2, sinh ngày: 08/10/1966; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị L2, sinh ngày: 02/9/1979; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Anh Phạm Hồng N, sinh ngày: 10/5/1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: TDP A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Ông Nguyễn Đình C1, sinh ngày: 18/12/1962; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: TDP A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H3, sinh ngày: 01/6/1963; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: TDP A, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Bà Đoàn Thị T4, sinh ngày: 04/01/1970; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Q, sinh ngày: 01/6/1965; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Ông Phan Văn C2, sinh ngày: 25/02/1966; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Anh Bùi Xuân D, sinh ngày: 16/10/1988; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Số nhà I, T, phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Công T5, sinh ngày: 22/11/1988; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Anh Phan Văn T6, sinh ngày: 16/6/1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

+ Anh Phan Huỳnh Đ, sinh ngày: 10/9/2004; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn kiếm lời từ việc buôn bán pháo nên vào khoảng đầu tháng 3/2023, Đinh Nho T, trú tại thôn B, xã S, huyện H đi làm từ nước Lào về đến khu vực C3, thuộc địa phận thôn H, xã S, huyện H thì gặp một người đàn ông người Lào tự giới thiệu tên N1, không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, hỏi T: "Có mua pháo không?", T hỏi: "Giá bao nhiêu", người đàn ông tên N1 trả lời: "Một hộp pháo hoa, loại 36 quả giá

130.000đ tiền kíp Lào, tương đương khoảng 143.000đ VNĐ, 01 bịch pháo bi giá 150.000 tiền kíp Lào, tương đương khoảng 166.000đ VNĐ. Do thấy giá rẻ nên T mua 41 hộp pháo hoa, loại 36 quả và 01 bịch pháo bi với tổng số tiền 6.000.000đ VNĐ. Sau khi trả tiền xong T nhờ người đàn ông tên N1 gửi xe khách về khu vực cầu H, thuộc địa phận xã S, huyện H, còn T điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Khi đến nơi T nhận pháo trả 1.000.000đ tiền cước vận chuyển rồi bỏ pháo lên xe mô tô điều khiển chở về cất dấu tại khu vực chuồng trâu của gia đình không cho ai biết.Vào tối ngày 28/9/2023, T lấy 02 hộp pháo hoa, loại 36 quả ra nổ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện và sau đó trình báo với Cơ quan Công an. Đến ngày 10/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành triệu tập Đinh Nho T để làm việc, quá trình đấu tranh Cơ quan điều tra đã chứng minh được ngoài việc nổ 02 hộp pháo nêu trên thì trong khoảng thời gian từ ngày 19/9/2023 đến ngày 07/10/2023,T đã nhiều lần thực hiện hành vi bán pháo cho các đối tượng, gồm: Phạm Ngọc H4, trú tại thôn G, xã S, L, trú tại thôn G, xã S, Phan Duy T1, trú tại xã S và Bùi Xuân D, trú tại thôn B, xã S, huyện H, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 19/9/2023, Đinh Nho T đến nhà Phạm Ngọc H4, trú tại thôn G, xã S, huyện H để chơi, quá trình ngồi nói chuyện T hỏi H4: "Có mua pháo không", H4 trả lời: "Mua 05 hộp pháo hoa loại 36 quả", T bảo: "Giá 600.000đ/1 hộp", do muốn có pháo để sử dụng nên H4 đồng ý. Khoảng 04 ngày sau T bỏ 05 hộp pháo, có khối lượng 7 kg vào một chiếc bao tải rồi điều khiển xe mô tô hiệu WAVE Wait, màu xanh, BKS 38H7 - 0317 (xe mượn của bà Lê Thị Q là mẹ đẻ T, bà Q không biết T mượn xe đi bán pháo) đưa vào nhà cho H4, khi đến nơi H4 mở bao tải ra kiểm tra xong đưa pháo cất dấu sau nhà không cho ai biết, rồi trả cho T 3.000.000đ, T bớt lại cho H4 200.000đ, số tiền 2.800.000 đồng Tính tiêu xài cá nhân. Đến ngày 10/10/2023 Phạm Ngọc H4 biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên đến Cơ quan Công an xin đầu thú và tự nguyện giao nộp 05 hộp pháo, có khối lượng 7 kg đã mua trước đó.

- Lần thứ hai: Do có quen biết với Lê Đình C, trú tại thôn G, xã S, huyện H nên Đinh Nho T nhắn tin hỏi C: "Mua pháo không, giá tiền pháo hoa loại 36 quả là 600.000đồng/1 hộp", C đồng ý mua 09 hộp với giá 5.400.000đ nhằm mục đích để bán lại kiếm lời, T bớt cho C 100.000đ. Vào khoảng 20 giờ ngày 02/10/2023 C điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại WAVE, màu xanh, BKS 38H4 - 7033 (xe mượn của anh Lê Đình L3 là chú ruột của C, anh L3 không biết C sử dụng xe đi mua pháo) đến nhà T lấy pháo, khi đến nhà thì T đi ra chỗ cất dấu pháo lấy 09 hộp pháo có khối lượng 12,4 kg bỏ vào thùng xốp màu trắng rồi đặt lên xe mô tô cho C điều khiển chở về nhà, còn T điều khiển xe mô tô hiệu WAVE Wait, màu xanh, BKS 38H7 - 0317 (xe mượn của bà Lê Thị Q là mẹ đẻ T) chạy phía sau. Khi đến nhà C hai người đưa 09 hộp pháo cất dấu tại khu vực chuồng chăn nuôi của gia đình không cho ai biết, rồi C chuyển khoản cho T số tiền 4.300.000đ, số còn lại đến ngày 03/10/2023 C chuyển tiếp 1.000.000đ, tổng cộng là 5.300.000đ, T tiêu xài hết cho cá nhân.

Sau khi mua được pháo đến khoảng 23 giờ cùng ngày C lấy 02 hộp pháo, có khối lượng 2,8 kg đem bán cho Nguyễn Công T5, trú tại thôn F, xã S, huyện H với giá 1.300.000đ. Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ số pháo nêu trên.

- Lần thứ ba: Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên vào ngày 05/10/2023, Đinh Nho T nhắn tin, gửi hình ảnh pháo vào tài khoản Zalo "Chim Chích" của Phan Duy T1, trú tại xã S, huyện H hỏi T1: "Mua pháo không", rồi nhắn tin 01 hộp pháo hoa loại 36 quả giá 600.000đ", T1 đồng ý mua 22 hộp pháo hoa có khối lượng 30,66 kg và 01 bịch pháo bi có khối lượng 0,46 kg, với tổng số tiền là 13.700.000đ nhằm mục đích để bán lại kiếm lời. Đến khoảng 19 giờ ngày 06/10/2023 T lấy 10 hộp pháo loại 36 quả, bỏ trong bao tải màu trắng, bên trong bọc túi ni long màu đen rồi điều khiển xe mô tô tô hiệu WAVE Wait, màu xanh, BKS 38H7- 0317 (xe mượn của bà Lê Thị Q là mẹ đẻ T) chở đến nhà cho T1, khi đến nơi T1 mở ra kiểm tra, đếm số pháo xong đưa vào cất dấu sau nhà không cho ai biết, sau đó lấy số tiền 5.000.000đ trả cho T, còn lại 1.000.000đ T1 chuyển khoản, tổng cộng là 6.000.000đ. Đến khoảng 5 giờ ngày 07/10/2023 T tiếp tục lấy 12 hộp pháo loại 36 quả và 01 bịch pháo bi bỏ trong thùng xốp, rồi điều khiển xe tô hiệu WAVE Wait, màu xanh, BKS 38H7- 0317 (xe mượn của bà Lê Thị Q là mẹ đẻ T) chở đến nhà rồi T1 mở ra kiểm tra xong thì bưng thùng xốp đưa vào nhà cất dấu sau nhà không cho ai biết, rồi chuyển khoản cho T 4.000.000 đồng. Số còn lại 3.700.000đ đến ngày 08/10/2023 T1 chuyển khoản cho T, tổng cộng số tiền là 7.700.000đ, số tiền bán pháo cho Tiến Tính tiêu xài cá nhân. Sau khi mua được pháo Phan Duy T1 đã bán lại cho một số đối tượng, cụ thể:

+ Vào tối ngày 06/10/2023, Phan Duy T1 sử dụng tài Facebook "Tiến Liên" nhắn tin đến tài khoản Facebook "Phan Huỳnh Đ", trú tại thôn L, xã S, huyện H hỏi Đức: "Có mua pháo không" Đ trả lời: "Chưa có tiền". Đến khoảng 17 giờ ngày 07/10/2023, Đ sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin lại cho T1 qua tài Facebook hỏi mua pháo bi, T1 nói với Đ: "Có pháo bi, lại nhà lấy", Đ đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày Đ đi bộ đến nhà gặp T1, một lúc sau T1 đi vào chỗ cất dấu pháo lấy 01 bịch pháo bi, có khối lượng 0,46 kg đưa cho Đ và nói giá 650.000đ. Đ kiểm tra xong lấy tiền trả cho T1 rồi đưa pháo về cất dưới gầm giường không cho ai biết. Cơ quan điều tra đã thu giữ số pháo nêu trên.

+ Ngoài ra vào khoảng 8 giờ ngày 06/10/2023 Phan Duy T1 nhắn tin cho Phan Văn T6, trú tại thôn L, xã S, huyện H hỏi: "Có mua pháo hoa với giá 600.000 đồng không?", T6 đồng ý mua 03 hộp pháo với khối lượng 4,2 kg. Do T6 đi làm ở M nên vào khoảng 17 giờ ngày 08/10/2023 T1 lấy 03 hộp pháo hoa loại 36 quả, bỏ vào túi bóng ni long màu đen, bọc kín rồi điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại AirBlade màu vàng, BKS 38H1-047.62 (xe mượn của bà Lê Thị H1 là mẹ đẻ T1, bà H1 không biết T1 mượn xe đi bán pháo) chở đến nhà cho T6. Khi đến nơi gặp bà Đoàn Thị T4 (mẹ đẻ của T6) đang ở nhà, T1 nói với bà T4: "Cất cho thằng T6 đùm hàng này cái", bà T4 không mở ra kiểm tra mà đưa vào bỏ ở khu vực nhà bếp, còn T1 điều khiển xe mô tô về nhà. Sáng ngày hôm sau T6 chuyển khoản cho T1

1.800.000đ, số tiền T1 tiêu xài cá nhân. Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 hộp pháo nêu trên.

+ Vào ngày 07/10/2023, Phan Duy T1 nhận được tin nhắn của Nguyễn Anh P hỏi: "Có pháo hoa không, giá thế nào?", T1 trả lời: "Có pháo, giá 600.000 đồng/01 hộp loại 36 quả". P đồng ý mua 05 hộp, với khối lượng 7 kg, đồng thời chuyển khoản trước cho T1 3.150.000đ. Đến khoảng 17 giờ ngày 08/10/2023, P điều khiển xe ô tô hiệu Huyndai Accent, màu đỏ, BKS 38A-501.45 (xe mượn của anh Phạm Hồng N, trú tại tổ dân phố A, thị trấn P là con cô, con cậu với Pháp, anh N không biết P mượn xe đi chở pháo) đến nhà T1 để lấy pháo nhưng T1 không ở nhà, P gọi điện thoại hỏi T1: "Ở mô đó để tao lấy pháo", T1 trả lời: "Tao đang đi câu, tí nữa mới về, mày ghé đó mà lấy", P hỏi tiếp: "Pháo để ở mô", T1 trả lời: "Pháo để ở trong nhà, ở túi bao bóng đen", P đi vào nhà thấy ở góc nhà bên phải của phòng khách có 02 túi nilong màu đen có 05 hộp pháo bên trong nên cầm ra bỏ vào hàng ghế phía sau xe ô tô, rồi điều khiển xe chạy về nhà và cất dấu tại gác lửng của gia đình không cho ai biết để nhằm mục đích sử dụng. Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 hộp pháo nêu trên.

- Ngoài ra vào ngày 30/9/2023, Đinh Nho T nhắn tin cho Bùi Xuân D, trú cùng thôn B, xã S, huyện H hỏi D: "Có mua pháo không?", D đồng ý mua 03 hộp pháo loại 36 quả, giá 600.000đ/1 hộp. Khoảng 19 giờ ngày 01/10/2023 T lấy 03 hộp pháo có khối lượng 4,2 kg bỏ vào túi ni lông rồi điều khiển xe mô tô hiệu WAVE Wait, màu xanh, BKS38H7- 0317 (xe mượn của bà Lê Thị Q là mẹ đẻ T) đưa đến để ở góc thềm nhà D thì gặp ông Bùi Sỹ T2 (bố đẻ của D), đồng thời nhờ ông T2 cất cho D, ông T2 không mở ra kiểm tra, không biết bên trong có pháo mà đưa cất vào cất trong nhà, sáng ngày hôm sau D chuyển khoản cho T 1.800.000đ, số tiền Tính tiêu xài cá nhân. Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 hộp pháo nêu trên.

Tại bản Kết luận giám định số 934/KL-KTHS ngày 16/10/2023 của phòng K Công an tỉnh H *kết luận:*

- 03 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu A, thu giữ của Bùi Sỹ T2 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 4,2kg.

- 05 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu B, thu giữ của Phạm Ngọc H4 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 07kg.

- 07 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu

C, thu giữ của Lê Đình C là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 9,6kg.

- 02 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu D, thu giữ của Nguyễn Công T5 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 2,8kg.

- 14 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu E, thu giữ của Phan Duy T1 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 19kg.

- 05 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu H, thu giữ của Nguyễn Anh P là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 07kg.

- 03 khối hình hộp chữ nhật có kích thước (12,5x14,5x14,5) cm, xung quanh khối hình hộp được bọc giấy có nhiều hoa văn, họa tiết màu sắc, dòng chữ nước ngoài và hình ảnh pháo hoa. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu G, thu giữ của Đoàn Thị T4 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 4,2kg.

- Toàn bộ quả hình cầu bằng nhựa, có nhiều màu sắc khác nhau. Trên mỗi quả cầu đều có gắn sợi dây ngòi được để trong 01 túi ni long trong suốt. Đã được niêm phong trong thùng cát tông được ký hiệu F, thu giữ của Phan Huỳnh Đ là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Có khối lượng là 0,46 kg.

** Vật chứng thu giữ để chuyển Chi cục thi hành án dân sự* huyện H *gồm:*

- 39 hộp pháo có kích thước 12,5x14,5x14,5cm và 01 túi quả hình cầu bằng nhựa có khối lượng 54,26 kg, sau khi lấy mẫu 0.5 gam để giám định, hiện còn lại 53,76 kg được bỏ vào 08 thùng cát tông dán kín, trên mép dán dải niêm phong có chữ ký của các thành phần và các đối tượng, đóng dấu đỏ của Phòng K Công an tỉnh H.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, số IMEI 1: 8614208051174234, IMEI 2: 861428051174226, gắn thẻ sim số: 0325742955, đã qua sử dụng; 01 chiếc bật lửa ga, màu xanh dương, nhãn bằng giấy có nhiều ký tự, đã rách một phần, đã qua sử dụng (do Đinh Nho Tính giao nộp).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số IMEI: 359406084030788, gắn thẻ sim số: 0988298348, đã qua sử dụng, (thu giữ của Phan Duy T1).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu trắng, số IMEI 1: 353912102833448, số IMEI 2: 353912102741252, gắn thẻ sim số: 0989820228, đã qua sử dụng (do Cao Thị H2 mẹ của C giao nộp).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu xanh, số IMEI: 353889104429956, số IMEI2: 353889104468607, đã qua sử dụng, (do Nguyễn Đình C1 bố của P giao nộp).

** Vật chứng thu giữ trả lại cho các chủ sở hữu gồm:*

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Wait, màu xanh, số khung: PD5A004098, số máy: 5A04098, BKS38H7 - 0317, xe đã qua sử dụng, đã trả lại cho bà Lê Thị Q.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu vàng đồng, số khung: RLHJE2704BY478026, số máy: JF27E1391992, BKS 38H1- 047.62, xe đã đã qua sử dụng. Đã trả lại cho bà Lê Thị H1.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WaVe, BKS 38H4-7033, màu xanh, số khung 609459, số máy: 0609577, xe đã qua sử dụng, đã trả lại cho anh Lê Đình L3.

- 01 một xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent, BKS38A - 501.45, số khung: RLUAC41BBNN086452, số máy: G4LCNU742098, xe đã qua sử dụng, đã trả lại cho anh Phạm Hồng N.

Các bị cáo Đinh Nho T, Phạm Duy T7, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên, các bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội, kết tội đối với các bị cáo, các bị cáo ăn năn hối hận về việc buôn bán, tàng trữ pháo nổ trái phép. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Cáo trạng số 06/CT-VKS - HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Đinh Nho T về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Duy T1, Lê Đình C về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đinh Nho T về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Duy T1, Lê Đình C về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

** Về trách nhiệm hình sự:*

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 190; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Nho T mức án từ 05 (năm) năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Duy T1 mức án từ 24 (hai mươi

bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hương án treo, thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) đến 60 (sáu mươi) tháng. Giao bị cáo cho chính quyền UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đình C mức án từ án từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh P mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H4 mức án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

* *Về hình phạt bổ sung*: Do các bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

* *Về biện pháp tư pháp:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy thu sung vào ngân sách nhà nước từ bị cáo Đinh Nho T số tiền 23.600.000 đồng; Bị cáo Lê Đình C số tiền 1.300.000 đồng và bị cáo Phan Duy T1 số tiền 5.600.000 đồng.

* *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng đã thu giữ sau khi điều tra làm rõ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với các vật chứng chưa xử lý liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về Thủ tục tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người đó. Xét thấy những người đó đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Đinh Nho T có hành vi mua pháo nổ để bán trái phép cho người khác để kiếm lời cụ thể như sau: Ngày 19/9/2023, Đinh Nho T bán cho Phạm Ngọc H4 05 hộp pháo có khối lượng 07 kg. Ngày 02/10/2023, Đinh Nho T bán cho Lê Đình C 09 hộp pháo có khối lượng 12,4 kg. Ngày 06/10/2023, Đinh Nho T bán cho Phan Duy T1 22 hộp pháo và 01 bịch pháo bi có tổng khối lượng 30,66 kg. Ngoài ra vào ngày 30/9/2023, Đinh Nho T bán cho Bùi Xuân D 03 hộp pháo có khối lượng 4,2 kg. Số lượng pháo nổ bị cáo Đinh Nho T buôn bán là 39 hộp và 01 bịch pháo bi. Tổng khối lượng hai loại là 54,26 kg. Nên hành vi của bị cáo Đinh Nho T đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Duy T1 mua của bị cáo Đinh Nho T 22 hộp pháo và 01 bịch pháo bi, cả hai loại có tổng khối lượng là 30,66 kg. Sau đó đã đem bán lại cho Nguyễn Anh P 05 hộp pháo có khối lượng 07 kg. Bán cho Phan Văn T6 03 hộp pháo có khối lượng 4,2 kg. Bán cho Phan Huỳnh Đ 01 bịch pháo bi có khối lượng 0,46 kg. Tổng cộng số pháo T1 bán là 08 hộp pháo và 01 bịch pháo bi có khối lượng 11,66 kg. Số pháo còn lại Phan Duy T1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Bị cáo Lê Đình C sau khi mua 09 hộp pháo có khối lượng 12,4 kg của bị cáo Đinh Nho T, bị cáo đã bán lại cho Nguyễn Công T5 02 hộp pháo, có khối lượng 2,8 kg. Số pháo mà bị cáo C đã bán cho Nguyễn Công T5 và số pháo còn lại chưa kịp tiêu thụ đã bị Cơ quan điều tra thu giữ toàn bộ. Nên hành vi của bị cáo Phan Duy T1 và bị cáo Lê Đình C đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Anh P mua 05 hộp pháo có khối lượng 07 kg của bị cáo Phan Duy T1 về cất dấu nhằm mục đích để sử dụng. Bị cáo Phạm Ngọc H4 mua 05 hộp pháo có khối lượng 07 kg của bị cáo Đinh Nho T về cất dấu nhằm mục đích để sử

dụng. Nên hành vi của bị cáo Nguyễn Anh P và bị cáo Phạm Ngọc H4 đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Cho nên bản Cáo trạng số 06/CT - VKS - HS ngày 17/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố truy tố bị cáo Đinh Nho T về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Duy T1 và bị cáo Lê Đình C về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[2.2]. *Về tính chất của vụ án:* Hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Nho T, Phạm Duy T7, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại gây mất trật tự trị an xã hội. Tết Nguyên đán càng đến gần, tai nạn do pháo nổ càng gia tăng, đây là mối nguy hại lớn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn. Tai nạn do pháo nổ đặc biệt rất nguy hiểm bởi ngoài sức công phá gây ra các vết thương ở tất cả vị trí trên cơ thể còn gây bỏng do tỏa ra nhiệt lượng lớn, ngoài ra có những hóa chất độc hại khi hít phải sẽ ảnh hưởng đến phổi, còn người đốt tiếp xúc gần sẽ dễ bị các tổn thương nặng ở đầu, mặt, cổ, mắt, tay. Vì vậy, tác hại do pháo nổ gây ra đối với con người, gia đình và xã hội là khó lường, cần tăng cường việc quản lý, đồng thời phối hợp tuyên truyền, giáo dục, có các biện pháp để phòng ngừa hậu quả đáng tiếc xảy ra do pháo nổ trái phép. Lúc thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã chủ động hoàn toàn, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích của bị cáo Đinh Nho T, Phan Duy T1 và Lê Đình C là tư lợi cá nhân mua đi bán lại nhằm mục đích kiếm lời. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 thực hiện hành vi phạm tội với mục đích nhằm phục vụ cho nhu cầu nổ trong dịp tết cổ truyền, lúc thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đinh Nho T sinh ra trong những gia đình nông dân thuần túy, được gia đình cho ăn học đến lớp 12/12 đủ nhận thức về pháp luật, bị cáo không những không chịu khó chuyên tâm làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình, không tìm cho mình con đường lập thân chính đáng, một nghề nghiệp lương thiện để có thu nhập nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, chỉ vì hám lợi nên sớm sa vào con đường phạm tội, vì vậy cần thiết phải lên một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Phan Duy T1 sinh ra trong gia đình có điều kiện, được nuôi dạy đầy đủ, bản thân đủ nhận thức về mặt pháp luật, tuy nhiên bị cáo không chịu khó chuyên tâm lao động, chăm lo cuộc sống, ý thức pháp luật kém dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Đình C, sinh ra và lớn lên trong gia đình nông dân, có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, sống cùng với mẹ, được nuôi ăn học đầy đủ, đủ nhận

thức về mặt pháp luật nhưng bị cáo không lấy đó làm động lực cố gắng, nên dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Anh P có nghề nghiệp ổn định, được ăn học đầy đủ, có hiểu biết, nhận thức về mặt pháp luật tuy nhiên lại không chấp hành, thích đua đòi ăn chơi. Bị cáo Phạm Ngọc H4 sinh ra trong một gia đình nông dân, đã có vợ con, đủ nhận thức về mặt pháp luật, bị cáo hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo, tuy nhiên không chịu khó làm ăn, chăm lo sức khỏe mà còn thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Duy T1, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo nhất thời phạm tội. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình các bị cáo Phan Duy T1, Lê Đình C và Phạm Ngọc H4 có công với cách mạng. Các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong đó có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo là đủ sức răn đe. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo sẽ có tác dụng cải tạo, giáo dục hơn chấp hành hình phạt tù, tạo điều kiện để các bị cáo tự cải tạo, giáo dục tại cộng đồng, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật mà vẫn có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Sau khi đánh giá tính chất mức đội và tổng thể các yếu tố nêu trên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù bằng mức khởi điểm của Kiểm sát viên đề nghị đối các với các bị cáo, như vậy mức hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là nghiêm minh và phù hợp.

[2.2]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Đinh Nho T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phạm Duy T7, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.3]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra gia đình của các bị cáo Phạm Duy T7, Lê Đình C, Phạm Ngọc H4 có công với cách mạng, bị cáo Phạm Ngọc H4 sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó, cần cho các bị cáo Đinh Nho T, Phạm Duy T7, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo Phạm Duy T7, Lê Đình C và Phạm Ngọc H4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4]. *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190, Điều 191 Bộ luật Hình sự quy định các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.5]. *Về biện pháp tư pháp:* Bị cáo Đinh Nho T bán pháo cho các bị cáo Phan Duy T1, Lê Đình C, Phạm Ngọc H4 và anh Bùi Xuân D được tổng số tiền 23.600.000 đồng. Bị cáo Phan Duy T1 sau khi mua pháo của bị cáo Đinh Nho T, bị cáo đã bán cho bị cáo Nguyễn Anh P, anh Phan Huỳnh Đ và anh Phan Đức T8 tổng số tiền 5.600.000 đồng. Bị cáo Lê Đình C sau khi mua pháo của bị cáo Đinh Nho T đã bán cho anh Nguyễn Công T5 được số tiền 1.300.000 đồng. Số tiền mà các bị cáo có được nêu trên được xác định là số tiền do phạm tội mà có. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

[2.6]. *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng đã thu giữ sau khi điều tra làm rõ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với các vật chứng chưa xử lý liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy.

[3]. *Những người liên quan trong vụ án:* Trong vụ án này có người đàn ông người Lào tên N1 bán pháo cho bị cáo Đinh Nho T và người đàn ông nhận chở pháo từ khu vực cửa khẩu Quốc tế C3 về địa phận cầu H, xã S, nhưng bị cáo không biết lai lịch địa chỉ cụ thể của những người này ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh. Đối với hành vi của Đinh Nho T đốt 02 hộp pháo hoa nổ vào tối ngày 28/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND huyện H ra Quyết định số 5494/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 6.250.000đ theo quy định tại điểm i, khoản 3, Điều 11, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt hình chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, đã nộp tiền phạt. Còn Bùi Xuân D, Phan Văn T6 mỗi người có hành vi tàng trữ trái phép 4,2 kg pháo nổ; Nguyễn Công T5 tàng trữ trái phép 2,8 kg, Phan Huỳnh Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,46 kg, nhưng các đối tượng này chưa có tiền án, tiền sự về tội Buôn bán, tàng trữ hàng cấm nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND huyện H ra Quyết định số 5837, số 5838, 5839, 5495/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 xử phạt vi phạm hành chính mỗi trường hợp với số tiền 12.500.000đ theo quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 11, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt hình chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Hiện nay D, T6, T5 đã nộp tiền phạt, còn lại Đ chưa thực hiện. Đối với ông Bùi Sỹ T2 và bà Đoàn Thị T4 là người nhận pháo của bị cáo Đinh Nho T và Phan Duy T1 đưa đến nhà, sau

đó đưa cất giúp cho con trai mình là D và T6 nhưng họ không mở ra kiểm tra và không biết bên trong có pháo nổ, nên không có cứ để xử lý. Còn anh Lê Đình L3, bà Lê Thị Q là những người cho bị cáo T, bị cáo C mượn xe mô tô, còn anh Phạm Hồng N là người cho bị cáo P mượn xe ô tô để sử dụng, nhưng những người này không biết các bị cáo sử dụng phương tiện của mình vào việc chở pháo nên không xem xét xử lý vai trò đồng phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng việc xử lý của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H như vậy là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên miễn xét.

[4]. *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa*: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng xử lý về hình phạt chính; Hình phạt bổ sung; Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng liên quan đến vụ án như trong bản luận tội đã nêu. Căn cứ vào hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận và sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt và các vấn đề khác liên quan.

[5]. *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về hình phạt chính*: Tuyên bố các bị cáo Đinh Nho T, Phan Duy T1 và Lê Đình C phạm tội “Buôn bán hàng cấm". Các bị cáo Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 phạm tội “Tàng trữ hàng cấm".

Áp dụng; Điểm g khoản 2 Điều 190; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Nho T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Duy T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đình C 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 191; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn A1 P (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án

sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 191; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H4 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Phan Duy T1, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã S, xã S, xã S và thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy thu sung vào ngân sách nhà nước từ bị cáo Đinh Nho T số tiền 23.600.000 đồng; Bị cáo Lê Đình C số tiền 1.300.000 đồng và bị cáo Phan Duy T1 số tiền 5.600.000 đồng.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng: Điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21, số IMEI 1: 8614208051174234, IMEI 2: 861428051174226; 01 chiếc bật lửa ga, màu xanh dương, nhãn bằng giấy có nhiều ký tự, đã rách một phần, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, số IMEI: 359406084030788; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu trắng, số IMEI 1: 353912102833448, số IMEI 2: 353912102741252; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu xanh, số IMEI: 353889104429956, số IMEI2: 353889104468607, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 39 hộp pháo có kích thước 12,5x14,5x14,5cm và 01 túi quả hình cầu bằng nhựa có khối lượng 54,26 kg, sau khi lấy mẫu 0.5 gam để giám định, hiện còn lại 53,76 kg được bỏ vào 08 thùng cát tông dán kín, trên mép dán dải niêm phong có chữ ký của các thành phần và các đối tượng, đóng dấu đỏ của Phòng K Công an tỉnh H. Thẻ sim số: 0325742955; Thẻ sim số: 0988298348 và thẻ sim số: 0989820228. (*Tình trạng, đặc điểm, số lượng, trọng lượng, chủng loại vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra* Công an huyện H *và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 28/12/2023).*

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đinh Nho T,

Phan Duy T1, Lê Đình C, Nguyễn Anh P và Phạm Ngọc H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Công an huyện Hương Sơn;
- THAPT, CCTHADS huyện Hương Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- UBND các xã Sơn Lâm, Sơn Lĩnh, Sơn Hồng và thị trấn Phố Châu;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Sỹ Nam